

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**

**Tập 385**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Lý Hương**

**Biên tập: Minh Tâm**

**Thời gian: 28.4.2011**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 477, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

“Hà dĩ cố, dục lệnh tha phương, sở hữu chúng sanh, văn bi Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường, nãi chí năng phát, nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tùy nguyện giai sanh, đắc bất thoái chuyển, nãi chí vô thượng, chánh đẳng bồ đề”.

Đoạn này Hoàng Niệm Lão giải thích là “hữu”. Hai dòng rườì kinh văn bên phải. “Biểu chư Phật tán thán chi bản nhân”. Có nghĩa đầu là ý nghĩa việc chư Phật Như Lai tán thán Phật A Di Đà. Trong đây, thứ nhất: giúp chúng sanh khởi tín nguyện. Đoạn nhỏ thứ hai: giúp đại chúng chứng đắc chánh quả. Ý kinh văn rất rõ. Chú giải của Niệm Lão rất đặc sắc. “Cái dục chúng sanh văn danh sinh tín phát nguyện cầu sinh, tất chứng vô thượng Bồ Đề”. Đây là những gì trong đoạn này nói. Tịnh độ rõ ràng là pháp khó tin. Người nghe thì nhiều, người tin thì ít. Nhất là trong thời buổi hiện nay. Thuở xưa đỡ hơn vì mỗi người đều được gia đình giáo dục tốt. Ta biết trong các dân tộc trên thế giới, thì người xưa biết cách giáo dục nhất. Ngàn vạn năm trước cổ nhân của chúng ta đã biết điều này. Ta có thể tin như thế vì lúc đó không có chữ viết. Văn tự chỉ được phát minh vào thời Hoàng Đế, đến giờ chỉ mới 4500 năm. Nền văn hóa 5000 năm phải nhờ khảo cổ mới phát hiện.

Bà La Môn ở Ấn Độ xưa có truyền thuyết ít nhất là 13000 năm. Ta có lý do để tin truyền thống văn hóa xưa bắt nguồn chắc chắn không trễ hơn Ấn Độ. Chỉ tại lúc đó không có chữ viết ghi chép lại. Khổng Tử sinh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử thì trễ hơn 100 năm, vào thời Chiến Quốc. Khổng Tử nói rất hay. Cả đời ông “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”. Thuật là tường thuật lại lời người khác, không phải của chính mình. Theo cách nói hiện nay thì Khổng Tử cả đời không sáng tạo phát minh gì. Nói cách khác, suốt đời sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, đều là những thứ của cổ nhân, chẳng có gì của riêng ông. Ông đã nói rất thành thực. Tín nhi hiếu cổ. Điều này rất đáng nể: lòng tin. Tin sâu sắc không hoài nghi và tiếp nhận toàn bộ giáo huấn của thánh hiền xưa. Thái độ học hỏi tu luyện này hết sức hiếm có. Muốn đạt được thể xuất thế pháp cũng phải nhờ thái độ này, mới thật sự đạt được. Đạt được gì? Có được truyền thống

của cổ nhân. Truyền thống của cổ nhân là gì? Là tự tánh. Nhà Phật nói tự tánh, truyền thống xưa cũng nói về tự tánh. Nhân tánh bản thiện. “Nhân chi sơ tính bản thiện” trong Tam tự kinh. Còn câu đầu tiên trong Đại Học là: “minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”. Đều là nói về tự tánh, nói về tánh đức. Tánh đức là cứu cánh viên mãn, tròn vẹn tột cùng không thể thêm vào chút gì, cũng không thể để khuyết tí nào. Viên mãn vẹn tròn như thế.

Thứ Phật chứng đắc gọi là Đại Bát Niết Bàn, được gọi là Đại Viên Mãn. Thời xưa tuy không có những từ rõ rệt như trong kinh Phật. Chúng ta cần trọng quan sát, cảm nhận thì ý tứ là một, chẳng phải hai. Tự tánh là một, không có anh, tôi, hấn. Nên trong Kinh giáo Đại Thừa nói lý thể chỉ có một, hiện tượng thì khác biệt vô vàn. Vô lượng vô biên hiện tượng sai biệt cùng chung một lý thể. Còn cho ta biết tánh tướng là một, tánh tướng chẳng phải hai. Người Ấn độ, người Trung Quốc đều xem ngộ nhập vào tự tánh là mục tiêu tối thượng khi học hỏi. Khác với ở nước ngoài. Quả là người Trung Quốc trong đồng có dị biệt. Mười pháp giới lại khác, trong dị biệt có đồng. Tuy có 10 pháp giới, y chánh trang nghiêm chẳng giống nhau nhưng là một tự tánh. Cho nên tôn trọng thánh hiền chính là tôn trọng tự tánh, phàm những thứ từ tự tánh lưu xuất ra chính là thật tướng. Kinh Đại Thừa nói thật tướng chư pháp chính là chân như, chính là tự tánh. Nên người xưa khi dạy trẻ con đều luôn nhớ dạy ngộ tánh. Trong Phật pháp ngộ tánh là giác tánh. Người có ngộ tánh cao, ta biết phiền não của họ sẽ ít, tạp niệm cũng ít, tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là ngộ tánh, là giác tánh. Vọng niệm nhiều, nhiều dục vọng, nhiều phiền não thì ngộ tánh ắt sẽ kém hơn, vì bị những thứ này chướng ngại, nhiễu loạn. Tuy bị chướng ngại, nhiễu loạn nhưng không hề mất đi. Như một chậu nước, bị vẩn đục, bị khuấy đảo nhưng vẫn là chậu nước đó. Chờ một thời gian nó sẽ tự ổn định. Những thứ dơ bẩn sẽ lắng chìm xuống, động tướng sẽ dần ngừng.

Qua đó có thể thấy người Ấn xưa hết sức xem trọng việc thiền định. Tuy Trung Quốc không nói thiền định nhưng cũng nói về định, cũng nói về tĩnh, họ nói về những điều này. “Tri chi nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh”. Hoàn toàn tương đồng với Phật pháp và triết học cổ Ấn Độ.

Trí huệ không có được từ bên ngoài, mà vốn đã trong tự tánh. Trí thức thì học được ở bên ngoài, nhưng trí huệ không như thế. Trí huệ và trí thức là hai thứ khác nhau. Trí huệ có thể minh tâm kiến tánh. Còn trí thức? Trí thức là một loại chướng ngại, Phật pháp gọi nó là sở tri chướng. Chẳng phải cho là không cần trí thức, trí thức không tốt. Phật pháp cũng cần và có lúc dùng đến trí thức. Nhưng lúc nào? Sau khi khai ngộ. Khai ngộ gọi là căn bản trí. Ngộ xong khởi tu. Có được căn bản trí rồi thì quý vị xem Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm đã khai ngộ ở pháp hội của Bồ Tát Văn Thù. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí hiện tiền. Căn bản trí là gì? Là trí huệ Bát Nhã mà tự tánh vốn có. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay. “Bát Nhã vô tri”. Vô tri chính là căn bản trí. Khi bất động thì nó chẳng có gì. Chính là điều mà Huệ Năng đại sư nói

khi khai ngộ “đâu ngờ từ tánh vốn tự đầy đủ”. Vốn tự đầy đủ là căn bản trí, lúc không khởi tác dụng thì bên trong nó chẳng có một pháp nào. Khi nó khởi tác dụng thì chẳng bỏ một pháp nào. Trí huệ viên mãn hiện tiền, cho nên khi Thiện Tài khai ngộ, Văn Thù Bồ Tát liền bảo ông đi thăm viếng học hỏi 53 lần. 53 lần thăm viếng học hỏi là hậu đắc trí, tri thức mà hôm nay chúng ta nói đến. Quý vị không tiếp xúc thì không biết, hễ tiếp xúc liền rõ ngay. 53 lần thăm viếng học hỏi tiêu biểu cho gì? Tiêu biểu cho tri thức của cả vũ trụ. Quý vị thấy trong đó trai gái trẻ già, mọi ngành mọi nghề, xuất gia tại gia, trong 53 lần thăm viếng học hỏi chỉ có 6 người đã xuất gia, phần lớn là tại gia. Hễ bạn tiếp xúc là rõ cả, chẳng có gì không biết. Nhưng trước tiên phải cầu vô tri, sau đó mới có thể vô sở bất tri. Nếu như có tri, đây là chướng ngại. Sẽ trở ngại cho việc minh tâm kiến tánh, vậy thì quý vị sẽ vô sở bất tri, cái quý vị biết chỉ giới hạn, cái quý vị không biết quá nhiều. Khác với cách cầu học của người xưa. Điều này chúng ta phải cẩn trọng cảm nhận.

Cho nên pháp môn Tịnh độ trước sau vẫn là pháp môn không thể nghĩ bàn. Muốn chúng sanh nghe danh hiệu, sinh lòng tin rồi phát nguyện cầu vãng sanh, tất chứng Vô Thượng Bồ Đề, tức là thành Phật. Pháp môn này chính là con đường trở thành Phật. Chỉ một đời là thành tựu. Kẻ có thể tin, có thể phát nguyện dốc sức tu hành thật sự là người có đại phước đức. Thế xuất thế gian chẳng ai có phước báo lớn hơn phước báo này, không tìm ra đâu. Chúng ta gặp là có duyên. Còn tin hay không tin, hiểu hay không hiểu lại thuộc về thiện căn. Người có thiện căn hễ tiếp xúc thì liền tin, liền hiểu. Người có phước đức thì có thể hành, có thể chứng. Cho nên trong tiểu bản Kinh Di Đà nói: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sinh về nước đó”. Thiện căn phước đức của chúng ta có vấn đề. Nhân duyên thì hội đủ rồi, gặp được rồi, được thân người, được nghe Đại Thừa, được nghe Hoa Nghiêm, được nghe Tịnh độ, nhất là gặp được quyền hội tập này, hội đủ tất cả. Nhưng chúng ta liệu có thật lòng tin tưởng? Không. Có thật sự hiểu? Không. Thực sự hiểu sẽ quyết định niềm tin thật sự. Không có chân tín chứng tỏ ta không hiểu đủ về vấn đề đó. Lời này năm xưa Chương Gia đại sư dạy tôi. Ông bảo Phật pháp biết thì khó nhưng hành dễ. Thế nên Phật Thích Ca phải giảng 49 năm. Rất khó để biết! Hành thì chỉ trong một niệm. Nghĩ khác đi là khai ngộ, hành như thế đơn giản biết mấy. Buông bỏ chấp trước. Không còn chấp trước với pháp thế xuất thế gian là thành A La Hán, là chẳng còn lục đạo. Nếu lại buông luôn được phân biệt thì thành Bồ Tát. Thực sự giữ được lục căn không khởi tâm, không động niệm trong cảnh giới của 6 trần thì xin chúc mừng, quý vị thành Phật rồi. Quý vị xem, đơn giản biết bao.

Năm xưa khi còn tại thế, Phật Thích Ca diễn cho ta xem, ngài diễn cho chúng ta xem vai trò của người trí thức, hiểu học, học rộng biết nhiều. 19 tuổi đã rời nhà đi tìm học, sống cuộc đời khổ hạnh để làm gì? Không sống như thế thì không học được. Học hỏi rồi cần thực hành, là phải chịu khổ, vui vẻ chịu khổ. Buông bỏ thực sự là tu luyện nghiêm túc. Hiểu học mà không chịu tu nghiêm túc thì không phải thực học, không phải

học vẫn thực sự. Những gì học được rất mong manh. Vì sao vậy? Vì không đối phó nổi quyền rũ, mê hoặc. Gặp danh lợi nhiều sẽ không giữ được mình, đó không phải là thực học. Thực học là gì? Là phải vất vả thực sự, buông bỏ thực sự thì học vẫn đó có thực, cảnh giới nào bày ra trước mắt cũng không động tâm. Vì sao vậy? Vì đã nhìn thấu suốt. “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Quý vị mời ngài làm Đại phạm thiên vương tột cùng danh lợi, ngài không thèm vì đó là giả, lục đạo là giả tạm. Mời làm Ma Hê Thủ La Thiên Vương, là chủ nhân của đại thiên thế giới, ngài cũng không màng, vì đều không thật. Đấy gọi là biết khó làm dễ. Nếu hiểu thật sự thì đâu lẽ nào không buông bỏ được, hiểu thật thì sao còn khởi tâm tham luyến. Chẳng còn đâu. Nên tâm này vĩnh viễn thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là tự tánh, là thể tánh, là tánh đức. Chỉ có thứ này thật thôi, ngoài ra giả tạm hết. Trong thanh tịnh bình đẳng giác không có hiện tượng, chẳng có cả 3 loại hiện tượng. Không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nhưng nó có thể sanh ra muôn pháp, nó có thể hiện ra 3 hiện tượng này, tuy hiện 3 hiện tượng nhưng lại không bám vào 3 hiện tượng. Không bám chút gì. Vì sao? Vì trong tất cả hiện tượng, ngài không khởi tâm, không động niệm. Đấy là sạch thực sự. Là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Tứ thánh pháp giới trong 10 pháp giới còn khởi tâm động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần sẽ khởi tâm động niệm, nhưng không phân biệt, không chấp trước. Phạm phu trong lục đạo thì không được. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước sẽ cùng lúc ủa đến. Học như vậy thì vĩnh viễn không vượt được luân hồi. Ta không thể không biết điều này.

84000 pháp môn pháp môn nào cũng có thể giúp ta ra khỏi lục đạo, tịnh độ cũng vậy. Nhưng tịnh độ vượt trội hơn, tịnh độ đặc biệt hơn. Tịnh độ bảo đời nghiệp vãng sanh nhưng có điều kiện. Một niệm cuối cùng phải thanh tịnh. Bình thường không thanh tịnh chẳng sao. Một niệm vãng sanh cuối cùng phải thanh tịnh, chính là không còn khởi tâm động niệm mới có thể vãng sanh. Điều này khó quá, không đơn giản. Cho nên một niệm thanh tịnh là một niệm Phật, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Vậy dùng phương pháp nào? Dùng A Di Đà Phật. Phương pháp quá khôn ngoan, quá thù thắng. Niệm cuối cùng chắc chắn là có niệm, không thể không niệm. Có khởi tâm động niệm mà khởi tâm gì? A Di Đà Phật. Động niệm gì? A Di Đà Phật. Chiêu này thật hay. Đây là chỗ khác giữa Phật A Di Đà và tất cả chư Phật. Ngài dùng danh hiệu để tiếp dẫn. Danh hiệu này rất phi thường. Danh hiệu là tánh đức của mình. Nghĩa danh hiệu này dịch sang chữ Hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Nghĩa là sao? Là Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là chân tánh của chúng ta! Vô lượng giác là tự thể, tự tánh của chúng ta. Nó tương ứng với cái này. Có phải chính Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta, không phải mà là tự tánh của chúng ta. Ngài dùng tự tánh tánh đức làm danh hiệu để tiếp dẫn. Chỉ cần một niệm cuối cùng. Một niệm đó rất ngắn ngủi. Bồ Tát Di Lặc đã giảng rõ. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một niệm trong số đó thôi. Niệm cuối cùng này rõ ràng là Phật. Bình thường niệm được thuần thực như thế, lúc lâm chung quý vị sẽ thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Đường hoàng từ biệt mọi người: tôi về thế giới Cực Lạc

đây. Điều này có thật, không hề giả dối. Hiện tiền chúng ta, chỉ cần quý vị gặp được là quý vị có nhân duyên đó, chỉ cần chịu tin, hiểu được, thật sự phát tâm. Đoạn sau sẽ giảng rất rõ về Bồ Đề tâm. Đơn giản thì như lời Ngẫu Ích đại sư. Tôi thực sự muốn sanh về Cực Lạc, thực lòng muốn được thân cận Phật A Di Đà. Ngoài niệm này ra không còn ý niệm nào khác. Đây là Tâm Bồ Đề vô thượng.

Ba câu phía trước của ngài nói hết ý nghĩa đoạn kinh văn này. “Cái dục chúng sanh văn danh sinh tín, phát nguyện căn sinh, tất chúng vô thượng Bồ Đề”. Đây là tông yếu của Tịnh Tông.

“Hội Sơ viết: thị tắc đệ thập bát nguyện, thành tựu, nhất bộ tông quy, duy tại u tu”. Đoạn kinh văn này tôn chỉ của Tịnh Tông, là nơi quy tụ của Tịnh Tông, là thành tựu viên mãn của Tịnh Tông.

“Sở dĩ giả hà”? Vì sao vậy? Đây là nêu ra một câu hỏi. “Tuy tứ thập bát nguyện giai thù thắng, dĩ niệm Phật vãng sanh vi tín yếu”. 47 nguyện là trợ duyên. Nguyện thứ 18 là chánh thuyết. Không có 47 nguyện kia thì nguyện này cũng không thể thành lập. 47 nguyện để giúp nguyện thứ 18 kiến lập niệm Phật vãng sanh tịnh độ. “Tuy nhất nhất thành tựu giai nan tu”. Nhất nhất này là chỉ 47 nguyện kia. Thành tựu của mỗi một nguyện đều không thể nghĩ bàn. “Nhi thử thành tựu vi bất công. Đệ thập bát nguyện thập niệm tất sanh. Cổ chư Phật tán thán”. Phương pháp này dẫn dắt chúng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà cung cấp cho một đạo tràng tu học tốt nhất. Điều này quả hiếm có. Phạm phu như ta khó thành tựu là do không có một nơi tu học tử tế. Với hàng thượng thượng căn thì chuyện đó chẳng sao. Họ có trí huệ, định lực, chịu đựng được. Cảnh giới nào với họ cũng là cảnh giới tốt. Nhưng người căn tánh này quá ít. Hàng trung hạ căn nếu không có một hoàn cảnh tốt để tu học là không ổn, sẽ thoái chuyển, sẽ đọa lạc, thậm chí có thể tạo tội nghiệp, vì không giữ được mình. Nên Phật A Di Đà lập đạo tràng không thể nghĩ bàn, cung cấp hoàn cảnh thế này quả hiếm có, phương pháp lại quá khéo léo. Kẻ thực sự có thiện căn phước đức nhân duyên gặp rồi khẳng định sẽ thành tựu, một đời viên mãn thành Phật. Cho nên khác với chư Phật. Bất cộng nghĩa là không giống. “Cảm đắc chư Phật tán thán”, là chẳng có vị Phật nào không tán thán. Phật tâm bình đẳng, Phật tâm thuần tịnh thuần thiện.

Văn bĩ Phật danh giả. Giáo hành tín chứng viết- đây là chư tổ người Nhật nêu ra Ngôn văn giả, chúng sanh văn Phật nguyện sinh khởi bồn mật, vô hữu nghi tâm, thị viết văn dã”. Những câu này, bên dưới là chú giải. “Chúng sanh”, đặc biệt chỉ lược đạo chúng sanh. “Văn Phật nguyện”, nguyện là 48 nguyện, là phẩm thứ 6 trong kinh này. Ta cũng học phẩm này rất kỹ. “Sanh khởi bồn mật”. Bồn mật là nói gì? Bồn là gốc, là phát tâm, phát đại nguyện. Nếu nói theo sự thì nguyện thứ 18 là gốc. 47 nguyện khác là ngọn. Ta cũng có thể nói thế này, Phật A Di Đà phát 48 nguyện là một gốc, dẫn dụ 48 nguyện của chính chúng ta ra là ngọn. Ta phải học Phật A Di Đà, phải phát 48 nguyện, đọc một

nguyện ta liền phát nguyện này. Ngài là gốc, ta là ngọn. Tâm chúng ta là một với tâm Phật. Tâm của Phật thì trước ta đã học rồi, tôi cũng từng nhấn mạnh “nhất thiết giai thành Phật”, đây là tâm của Phật A Di Đà. Là thật chứ không hề giả. Thực sự mong tất cả chúng sanh đều thành Phật, y như Phật A Di Đà, chẳng khác. Có thể không? Có thể, chắc chắn là có thể. Vì sao thế? Vì Phật A Di Đà cùng một Phật tánh với ta. Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Ngài có thể thành tựu, sao ta lại không thành tựu được? Đâu vô lý như vậy! Nên tín tâm kiên định quyết định sẽ thành, khẳng định sẽ được y như Phật A Di Đà. Từ phương pháp này ta có được bảo đảm, đảm bảo của lòng tin, bảo đảm tín tâm của chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị không sanh về nơi đó, không có hoàn cảnh tốt thế thì rất khó. Tuy có lòng tin cũng không được. Phải đến Cực Lạc thôi. Không thể chờ nữa. Càng sớm càng hay. Đến Cực Lạc thì mới chứng được cứu cánh viên mãn. Sau đó bất luận trụ thường tịch quang hay trụ cõi thật báo, đều có năng lực ứng phó với tất cả chúng sanh hữu duyên trong biến pháp giới hư không giới. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, hiểu, hành, chứng pháp môn này là hữu duyên. Tín giải hành chứng gồm đủ là kẻ quyết đoán thượng thừa của Tịnh Tông. Tin được, hiểu được, hành được sẽ quyết định được sanh về. Tin, hiểu được nhưng không hành được vậy phải nhờ gì? Thường ta cho rằng nhờ vận may của người đó, lúc lâm chung nếu gặp trợ duyên, nhắc nhở, trợ niệm giúp cũng sẽ được vãng sanh. Nếu tin, hiểu được, không hành được, khi lâm chung không gặp được trợ duyên thì không xong, vẫn phải tiếp tục luân hồi trong 6 nẻo. Chúng ta dùng thứ này để xem gốc ngọn.

Thế nên bộ kinh này quan trọng. Phật nói tất cả kinh độ tất cả chúng sinh không cùng căn tánh. Còn bộ kinh này thì phổ độ, căn tính nào cũng độ được. Hàng thượng thượng thừa thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Những người đó thật tuyệt, họ có năng lực đoạn phiền não, phá vô minh, sanh về thế giới Hoa Tạng, bản lĩnh như thế nhưng đến thế giới Hoa Tạng không viên mãn. Tập khí vô thủy vô minh chưa dứt, gặp Văn Thù, Phổ Hiền dẫn dắt về Cực Lạc. Vì sao vậy? Đến thế giới Cực Lạc thì tập khí kia nhanh mất đi, ở các quốc độ chư Phật, cõi thật báo khác phải chờ rất lâu, nên ngài Văn Thù, Phổ Hiền đưa hết những người ở Hoa Tạng Hải hội này về thế giới Cực Lạc. Phật Tì Lô Giá Na chẳng hề giận. Ngài rộng lượng chẳng trách sao đưa hết người của tôi đi? Vậy là sao? Phật Tì Lô Giá Na còn hoan hỉ, vỗ tay: Tốt lắm, đi đi thôi! Đây chính là Phật Phật đạo đồng. Tất cả chư Phật đều mong chúng sanh sớm thành Phật. Muốn sớm thành Phật thì chỉ có thế giới Cực Lạc, chỉ có theo Phật A Di Đà. Chúng ta học Phật bấy lâu mới khẳng định chắc chắn việc này, khẳng định hoàn toàn, chẳng có chút xíu hoài nghi. Vô hữu nghi tâm, đây gọi là Văn. Văn là huệ thứ ba của Bồ Tát- văn huệ. Trong văn chắc chắn phải có tư, phải có tu. Tư là gì? Là hiểu. Tu là gì? Không còn nghi ngờ, đoạn nghi rồi. Từ đoạn nghi mà nói gọi là tu, từ hiểu mà xét gọi là tư, từ vừa nghe qua đã tin, không nghi ngờ là văn. Văn tư tu nhất niệm viên mãn thành tựu.

“Văn danh đặc phúc cố năng sinh tịnh tín chi tâm”. Nghe được câu danh hiệu Phật này, quý vị đã được phước báo rồi. Không niệm, không nghe danh hiệu Phật là quý vị

không có phước. Tất cả đều thật. Phước này lớn quá. Phước này lớn bằng hư không pháp giới. Vì sao vậy? Phước báo có thể sanh tịnh tín. Quý vị thấy có phi thường không? Còn gì lớn hơn việc thành Phật? Đâu hề có. Thành Phật là gì? Thành Phật là thành tựu đại viên mãn. Thường ta nói đơn giản là trí huệ viên mãn. Tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì quý vị không biết. Thành tựu đức năng của quý vị, tịnh đức của tự tánh vốn có. Chúng ta không gọi là thiện đức, mà gọi tịnh đức, đức thanh tịnh. Tại sao? Vì đức này không trước tướng. Cũng có nghĩa năng lực, không gì quý vị không làm được. Thành tựu tướng tốt của quý vị. Tướng tốt chính là phước báo ở đây nói đến. Thứ nào cũng viên mãn. Không phải tu được mà là tánh đức trong tự tánh vốn có. Cho nên có thể sanh tâm tịnh tín.

“Thanh tịnh tâm giả, vô nghi chi tín tâm dã, hựu vô cấu chi tịnh tâm dã”. Đây là tâm thanh tịnh. Trong không xen tạp nghi hoặc. Máy may nghi hoặc cũng không. Thanh tịnh là không bị nhiễm bản. Nhiễm bản là sao? Tự tư tự lợi là nhiễm bản, danh văn lợi dưỡng là nhiễm bản, ngũ dục lục trần là nhiễm bản, tham sân si mạn là nhiễm bản. Hết sạch không còn chút nào. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não là nhiễm bản cũng hoàn toàn chẳng còn. Nên đây gọi là tâm thanh tịnh. “Úc niệm thọ trì”. Giảng từ chữ thọ. “Thọ giả, tín thọ”. Thọ là tiếp thu. Những gì Phật nói, tôi hiểu và hoàn toàn tiếp nhận. Tiếp nhận thì làm theo, tiếp nhận thì biến thành của mình. “Trì giả, kiên trì”. Duy trì, không để mất nữa. Gọi là thọ trì. Hiện nay rất nhiều người theo đạo Phật. Có tin Phật nhưng không thọ trì. Không nghiêm túc theo. Nếu tu nghiêm túc, thật sự họ có thể buông hết chuyện đời. Có cần bồi dưỡng thân? Không cần. Quý vị hỏi vì sao không bồi dưỡng. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Vì tất cả pháp từ tâm tướng sinh ra. Thân do tâm tướng ra. Lẽ nào có thể không khỏe mạnh! Bất kì bệnh tật gì. Khi tín tâm khởi lên thì bệnh sẽ không còn. Nội tạng trong người, mỗi tế bào đều hồi phục bình thường. Bình thường là khỏe mạnh. Thế bệnh từ đâu ra? Từ tham sân si mạn nghi. Từ đó mà ra. Trong Phật pháp hay nói tứ đại không điều hòa thì bệnh kéo đến. Tâm tham nặng nề, thủy đại sẽ nhiều quá, tâm sân nặng nề, nhiệt độ sẽ quá. Không được thiếu, cũng không để quá. Vừa vận thích hợp thì thân tâm sẽ khỏe mạnh. Nên người thực sự tin Phật thân tâm khỏe mạnh. Tôi đã thấy điều đó. Theo thầy Lý 10 năm, tôi thấy thầy niệm Phật thân tâm khỏe mạnh, sinh hoạt rất đơn giản, không cần ai phục vụ, tự ăn uống, giặt giũ. Nhà thầy rất nhỏ, chỉ có 15 tấm, người Đài Loan gọi là tấm, 1 tấm bằng 2 chiếc chiếu. 1 chiếc chiếu khoảng 2 mét vuông. 15 tấm bằng 30 m<sup>2</sup> nhỏ hơn gian phòng này. Sống một mình, dễ sắp xếp dọn dẹp, một gian thờ Phật nhỏ, một nhà kho, một phòng ngủ, một phòng khách nhỏ. Phòng khách nhỏ chắc bằng nửa trường quay nơi đây. Cả đời thầy sống trong gian phòng nhỏ thế, không đổi nhà nào khác và tự chăm sóc. Đến năm 95 tuổi mới chịu cho hai chị em học trò phục vụ, đó là Trịnh Thắng Dương và chị cậu ta. Rõ ràng người niệm Phật thân tâm khỏe mạnh. Chẳng cần tin gì cả, tin vào Phật A Di Đà. Điều này thật khó tin! Tin Phật A Di Đà còn phải đến phòng mạch bác sĩ, tìm thuốc tốt để tắm bổ sức khỏe. Đây là hoài nghi giáo lý. Không phải tin thực sự. Lòng tin chân chính thì chẳng cần gì cả. Cơm canh đạm bạc có cũng được, không có cũng xong. Đây mới là chân tín.

Quý vị xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc 19 tuổi đã phải tự chăm sóc, sống cuộc đời tăng khổ hạnh cho đến tận khi ngài niết bàn vào năm 79 tuổi. Phật, Bồ Tát và chư vị tổ sư đều nêu gương tốt nhất cho chúng ta, thị hiện nhiều dạng, thị hiện đủ kiểu. Khi nghe và thấy những ghi chép này quý vị có thể dễ tâm cảm nhận thấy đây là tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Cảm nhận được thân giáo, ngôn giáo, ý giáo.

Trong “Thắng man bảo quật thượng”. Thượng chính là quyền thượng, vì quyền kinh này có thượng hạ 2 quyền. Kinh viết: “Thanh tịnh tâm, tịnh giả tín dã”. Quý vị xem, khi tin Phật thì sẽ tịnh. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để cân nhắc lại chính mình. Chúng ta có tin không? Không. Tin được mấy phần. Cái tịnh này phải có phần trăm. Chúng ta có 1 hoặc 2 % lòng tin thì không thể thanh tịnh được. Tâm thanh tịnh hiện tiền, đây chính là tín tâm viên mãn. Điều này là thật, không giả chút nào.

Hai hôm trước tôi sang Đài Loan đi thăm 2 đạo tràng. Đến thăm rồi tôi rất vui. Cả 2 nơi đều là đạo tràng niệm Phật và họ đang thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Có một đạo tràng mượn sân thể thao để tổ chức hoạt động này. Tôi thấy số người ít ra cũng đến 10.000 - 20.000 người, quy mô rất lớn, ngồi đông nghìn nghịt. Rất tốt! Tất cả đều niệm A Di Đà Phật, cực kỳ hiếm có. Rồi tôi tham quan cuộc triển lãm Long Tạng ở viện bảo tàng Cố Cung. Vua Khang Hi đã dùng tiền của trong kho để thực hiện bộ Đại tạng kinh. Chỉ có mỗi một bộ thôi. Chữ viết tay được viết hết sức công phu, ngay ngắn, rồi nạm vàng thếp lên. Nghe nói bộ kinh này đã sử dụng mấy trăm lượng vàng vẽ minh họa bên cạnh kinh văn, hết sức trang trọng. Cả đất nước chỉ có một bộ, xem như báu vật quốc gia. Qua đó cho ta thấy xưa kia bậc đế vương trân trọng pháp bảo biết bao. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ. Nhưng bộ Tạng kinh này viết bằng chữ Tạng. Tạng kinh bằng chữ Hán thì do hoàng đế Càn Long biên soạn. Hoàn thành cùng lúc với Tứ Khố Toàn Thư. Hoàng đế đặc biệt trân trọng Phật giáo nên đã biên soạn riêng Đại tạng kinh -Long Tạng này. Nho giáo và đạo giáo thì hợp soạn trong Tứ khố. Chỉ có Phật giáo không hội tập trong Tứ khố mà để riêng ra, hết sức trân trọng. Thấy vậy ta vô cùng cảm động. Rồi lại được chứng kiến bác sĩ Lưu cùng một số bạn đang làm thí nghiệm nước, chính là thí nghiệm mà tiến sĩ Giang Bồn người Nhật đã làm. Họ đã dựng một phòng thí nghiệm tốt hơn phòng thí nghiệm ở Tokyo. Các thiết bị máy móc đều hết sức tiên tiến. Tôi đã từng đi thăm phòng thí nghiệm ở Tokyo 2 lần, máy móc ở đó khá cũ, kính hiển vi nơi đó chỉ phóng lớn 200 lần. Hôm trước tôi tham quan thì kính hiển vi của nhóm bác sĩ Lưu phóng lớn được 500 lần, tối tân nhất hiện nay. Quy mô của phòng thí nghiệm cũng lớn hơn bên Tokyo, thiết bị cũng tiên tiến hơn của họ. Không ít người đang ngồi đó cẩn trọng nghiên cứu.

Thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bồn cho thấy nước có thể nhìn, nghe, hiểu được ý người. Cho đến việc nước có thể phân biệt được mùi vị không? Thử nghiệm về sắc thanh hương vị xúc. Mong có thể trải nghiệm được sắc thanh hương vị xúc. Thấy rõ rệt những khoáng vật và thực vật này có đầy đủ kiến văn giác tri, đây là hiện tượng tinh



thần. Chứng minh vật chất và tinh thần không tách rời được. Muốn thí nghiệm để chứng minh điều Maxs Planck đã nói: cơ sở của vật chất là tâm niệm. Nếu không có tâm niệm thì vật chất không tồn tại. Cho nên Planck bảo: trên thế giới căn bản không hề có thứ gọi là vật chất. Vậy vật chất từ đâu ra? Do tâm niệm tạo thành. Tâm niệm tạo thành cách nào? Planck cũng đã nói tương đồng với những gì trong kinh Phật nói, Phật giảng trong kinh 3000 năm trước, giờ các nhà khoa học mới phát hiện. Quả thật là tinh thần có trước rồi vật chất mới có sau. Nhưng trước vật chất còn có năng lượng. Ta xem báo cáo của Planck thì hiểu ngay. Vì sao vậy? Vì nó tương đồng với A Lại Da mà đạo Phật giảng. Năng lượng chính là nghiệp tướng của A Lại Da. Thọ tướng hành thức là hiện tượng tâm lý. Khoa học gọi đó là thông tin, là chuyển tướng của A Lại Da. Kiến phần, kiến phần của A Lại Da. Vật chất là tướng phần của A Lại Da. Năng lượng là tự chứng phần của A Lại Da. Chúng ta dùng cách giải thích này thì người từng học Phật pháp rất dễ hiểu. Tam tế tướng của A Lại Da cũng là tam phần của A Lại Da: tự chứng phần, kiến phần, tướng phần. Trong tam tế tướng có nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A Lại Da, không thể tưởng tượng nổi! Những gì Phật phát hiện, giờ khoa học mới tìm ra và chứng minh. Họ dùng nước và có thể cũng dùng một số chất khác để quan sát qua kính hiển vi. Cho những ý niệm khác nhau để nước tiếp xúc, nhìn thấy, nghe được. Đưa ý niệm của tâm cho nước, xem nước sản sinh những biến hóa nào. Thí nghiệm này rất giá trị vì đã giúp ích cho tín tâm của chúng ta. Ta sẽ không hoài nghi gì về kinh điển sau thí nghiệm khoa học. Kinh Phật đã qua được thử thách.

Tâm thanh tịnh vô nghi, tâm thanh tịnh vô cấu. Tâm thanh tịnh là tín. Khởi tâm tịnh tín, không xen tâm phiền não thì gọi là tịnh tâm.

“Úc niệm thọ trì. Thọ giả, tín thọ. Trì giả, kiên trì. Úc giả, ức Phật công đức. Niệm giả, niệm Phật danh hiệu”. Úc niệm thọ trì. Úc là tưởng, nhớ đến 48 bổn nguyện của Phật. Nghĩ đến công phu tu hành 5 kiếp của Phật A Di Đà khi còn là Pháp Tạng tỷ kheo ở nhân địa. Ngài tu gì? 48 nguyện. Nguyện nguyện đều thành hiện thực, nguyện nguyện ngài đều hoàn thành. Nguyện thứ nhất “Quốc vô ác đạo”. Phật làm cách nào? Tam ác đạo là quả. Có quả tất phải có nhân. Đức Phật A Di Đà phải dùng thời gian 5 kiếp để làm đoạn mất nhân này, đoạn dứt duyên này. Nhân: ngã quý là tâm tham, địa ngục là sân, súc sinh do ngu si. Nói cách khác nhờ bỏ hết tham sân si mà thường ta gọi là buông xả, chẳng những hoàn toàn dứt đoạn, mà cả tập khí cũng không còn, tập khí tham sân si không còn. Cõi phàm thánh đồng cư ở thế giới tây phương Cực Lạc không hề có tam ác đạo. Không những nhờ bỏ gốc tham sân si mà loại bỏ luôn cả kiêu mạn, nghi hoặc. Tham sân si mạn nghi đều không còn nữa, cũng có nghĩa là kiến tư phiền não đoạn tận như trong kinh thường giảng. Ngài phải mất bao nhiêu thời gian? 5 kiếp để đoạn sạch sẽ triệt để. Ngài thành Phật và chiêu cảm được thế giới này, có cõi phàm thánh đồng cư, chỉ nhân thiên 2 đường. Hoàn toàn chẳng có ngã quý, địa ngục, súc sinh, la sát, tu la. Chúng ta nghĩ đến công đức này, nghĩ gì? Học tập, làm theo. Phật có thể đoạn được, sao ta không đoạn được? Trước kia không có duyên, không được nghe Phật pháp nên

không biết. Giờ đã biết rồi, đọc kinh điển Đại Thừa đã hiểu rồi. Phật có thể làm thế thì chúng ta phải học theo Phật, phải nghiêm túc dốc sức thực hiện. Phật làm gương trước, chúng ta bước theo sau. Phật có thể thành tựu thì ta cũng có thể thành tựu. Huống chi ngài đã xây dựng xong thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Ta Bà này việc tu hành khó khăn, chướng duyên quá nhiều. Phật mong ta đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta nghe lời, y giáo phụng hành, đến thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày đều dự pháp hội của ngài. Ngài làm tăng thượng duyên cho ta thì việc thành tựu đạo quả của ta đã được bảo đảm. Cho nên nhất định phải tin, phải tiếp thọ, phải kiên trì, luôn nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật.

Đại Thế Chí Bồ Tát trong “Viên thông chương” bảo ta: nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền đương lai chắc chắn sẽ gặp Phật. Hiện tiền gặp Phật là Phật gia trì cho chúng ta, là niềm an ủi Phật cho ta, con đường ta đi chẳng hề sai lầm. Đương lai kiến Phật là được vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, lúc lâm chung được Phật đến tiếp dẫn là hiện tiền. Sau khi vãng sanh là đương lai.

Niệm danh hiệu Phật. Phương pháp niệm Phật cả đời của Ấn Quang đại sư là đếm số, ngài không dùng chuỗi hạt. Ngài bảo chúng ta nếu lần tràng hạt niệm Phật thì dễ phân tâm. Một mặt niệm, mặt khác động tay, phân tâm. Ngài dùng tâm để thầm nhẩm đếm. Chỉ tính đến 10, niệm rất chậm. Chúng tôi đã nghe tiếng niệm Phật của ngài qua băng ghi âm: Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm 6 tiếng hay 4 tiếng cũng được. 4 tiếng thì: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm hết sức rõ. Ba cái rõ cực kỳ quan trọng. Tai nghe rõ thì phải để ý nghe, tập trung sức chú ý vào đó, tạp niệm bên ngoài sẽ không vào được. Số nhớ thật rõ: niệm danh hiệu Phật này là tiếng thứ mấy trong 10 câu niệm? Đếm hết sức rõ ràng, rành mạch. Đếm xong 10 thì lại bắt đầu từ 1. 1 đến 10, cứ thế mà niệm. Đừng niệm một một, một hai... Đếm nhiều hơn lại chẳng thể nhiếp tâm. Cách đếm 10 danh hiệu Phật này nhiếp tâm cực kỳ. Nếu mới tập niệm 10 niệm có khó khăn, phía sau dễ quên mất số, tạp niệm xen vào. Có tạp niệm thì không tính, phải niệm lại từ đầu. Dùng phương pháp này: chia làm 2 phần. 5 câu: 1, 2, 3, 4, 5, phía sau thì 6, 7, 8, 9, 10, cứ thế mà nhớ. Mà nếu còn khó thì chia làm 3 phần: 3, 3, 4. Niệm 1, 2, 3 rồi 4, 5, 6, rồi 7, 8, 9, 10. Đếm như vậy thì hết sức rõ và tạp niệm không xen vào được. Hồ Tiểu Lâm dùng cách này niệm suốt 4 tháng, hết sức hiệu quả. Trước kia ông niệm luôn bị tạp niệm, giờ tạp niệm chẳng còn. Nhiếp tâm được thật rồi, mừng quá! Hồ Cư Sĩ học theo. Niệm được 2, 3 ngày bèn bảo tôi: có hiệu quả thật. Trước kia cô ấy cũng bị đau đầu do suy nghĩ vọng niệm quá nhiều nên không bao giờ niệm tốt được. Giờ dùng phương pháp này thì ổn rồi. Đây là cách của Ấn Quang Đại Sư và ngài cũng đã thị hiện cho ta thấy. Hiện nay ta nghiệp chướng nặng nề, vọng niệm nhiều, sức dụ hoặc của hoàn cảnh xung quanh quá lớn. Chắc chỉ còn phương pháp này hữu hiệu, những cách khác đều khó. Mọi người cứ thử xem sao. CD của Hồ Tiểu Lâm được Giáo Dục Phật Đà Hiệp Hội Hồng Kông phát hành. Đây là ức Phật, niệm Phật.

Bên dưới: “quy y giả, vị thân tâm quy hướng, y chỉ bất xả”. Quy là quay đầu lại, y là nương tựa. Những người trên tuổi trung niên đều cảm nhận sâu sắc. Đòi người ngẩn ngủ, biết nương tựa vào ai? Dựa vào ai cũng không ổn, dựa vào chính mình lại càng không được. Chính mình chẳng có lòng tin. Đức Thế Tôn bảo ta chỉ có cách duy nhất là nương tựa Phật. Đức Thế Tôn bảo ta nương tựa Phật là nương tựa vào tự tánh Phật. Điều này nói ra rất trừu tượng. Tự tánh Phật ở đâu? Phẩm dưới đây có giải thích tường tận. Chúng ta không đạt được cảnh giới này thì ta nương tựa Phật A Di Đà. Đây cũng là điều Phật Thích Ca Mâu Ni dạy ta. Niệm niệm quy hướng A Di Đà Phật.

Cả đời tôi chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Trước khi đến được đó thì Kinh Vô Lượng Thọ chính là Phật A Di Đà. Đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ chính là thân cận Phật A Di Đà. Niệm Phật phải nhiếp tâm, đọc kinh cũng phải nhiếp tâm. Nếu quý vị không chuyên tâm thì khi đọc kinh cũng sẽ có tạp niệm. Căn tánh chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta nhiếp tâm khi đọc kinh dễ hơn khi niệm Phật. Niệm Phật thì chỉ một câu danh hiệu Phật nên tạp niệm dễ xen vào quấy nhiễu. Nhưng khi đọc kinh dễ tạp niệm thì sẽ đọc sai nên nhất định phải chuyên tâm. Dùng cách đọc kinh theo tôi rất tiện dụng, nhất là với những người tri thức.

Năm xưa Đức Thế Tôn khi còn tại thế rõ ràng độ chúng sinh là thành phần trí thức. 49 năm giảng kinh nói pháp, ngài không xây một niệm Phật đường để mọi người cùng tu một chỗ, cũng chẳng tạo một thiền đường để tất cả cũng ngồi tham thiền. Chỉ có giảng đường. Cho nên thân tâm quy hướng, nương vào đó không buông. Chúng ta nương tựa Phật A Di Đà thì rất ổn.

“Cúng dường giả Huyền tán viết: tiến tài hành dĩ vi cúng, hữu sở nhiếp tư vi dưỡng”. Ở đây tách 2 chữ cúng dường ra giải thích. Hành vi tiến tài là cúng, cung cấp. “Hữu sở nhiếp tư”. Tư này là tư dưỡng, nhiếp thọ, tư dưỡng là ý nuôi dưỡng. “Sở ngôn tài hành, chỉ nhị chủng cúng dường”. Tài là: “tài cúng dường”, ý chỉ hương hoa, đồ ăn thức uống, thuốc men, tài vật, đầu mắt não tủy, đất đai, sông núi các loại v...v... Chúng ta nói về cúng dường vật chất. Cúng dường tinh thần được bao gồm trong tài cúng dường. Thứ hai là “pháp cúng dường”. Pháp là tu hành. “Như thuyết tu hành, dĩ vi cúng dường”. Tu hành cúng dường rất quan trọng. Phật mong ta thành Phật. Mà không tu thì sao thành Phật được? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ tu hành. Hiện giờ rất nhiều người ngộ nhận nghĩa của từ tu hành. Tu là tu chính, hành là hành vi. Hành vi có sai sót sửa lại cho đúng thì gọi là tu hành. Có rất nhiều hành vi. Trong kinh Phật chia ra làm 3 loại lớn. 1 là động tác của thân, tạo tác của thân. Đây gọi là hành vi của thân nghiệp. 2 là ngôn ngữ, hành vi của khẩu nghiệp. 3 là khởi tâm động niệm, hành vi được gọi là ý nghiệp, bao gồm phân biệt chấp trước. Lỡ phạm sai lầm, vội sửa lỗi thì gọi là tu hành. Cho nên tu hành là tu chính hành vi hoặc là sửa chữa sai lầm. Có phải là đi đọc kinh, bái sám? Không phải thế. Đây là hình thức. Nhưng đạo Phật trọng thực chất, không

trọng hình thức. Những lời khai thị quan trọng này cần phải được nhớ kỹ. Trong ba loại hành vi thì quan trọng nhất là ý nghiệp, chính là khởi tâm động niệm. Tư tưởng thuần chánh. Ngôn ngữ hành vi của quý vị lẽ nào bất chánh? Cho nên tu hành thật sự thì tư tưởng được xếp hàng đầu. Khiến chúng ta nhớ đến Phật Thích Ca Mâu Ni vì sao giảng kinh nói pháp suốt 49 năm? Để giúp chúng ta có tư tưởng chính xác, có quan điểm đúng đắn. Điều này vô cùng quan trọng. Kinh luận một tiêu chuẩn, kinh luật luận 3 tạng là để tu sửa thân khẩu ý. Giới cấm là tiêu chuẩn để tu sửa thân. Kinh điển là tiêu chuẩn để tu sửa tâm. Kinh luận chính là tiêu chuẩn sửa ý nghiệp. Giới luật là thân khẩu, kinh luận là ý nghiệp, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước lấy đó làm tiêu chuẩn. Thường đọc thông tam tạng kinh điển thì ta có thể nắm bắt được tiêu chuẩn chính xác, sau đó giữ kỹ và nhất quyết không vi phạm. Giờ học Phật rất khó. Vì sao lại thế? Do không chú trọng tiêu chuẩn này. Cho rằng tiêu chuẩn này của thời xưa đã lỗi thời, không phù hợp với thời buổi khoa học hiện đại. Người thời nay đem khoa học ra làm tiêu chuẩn, không dùng đến kinh luận. Tiêu chuẩn khoa học thì rất hiện thực: làm những gì có lợi cho mình, điều gì không lợi cho tôi thì tôi chẳng làm, chỉ biết chính mình, không bận tâm người khác. Tiêu chuẩn đó sai rồi vì khi làm sai tự mình không hay biết. Mình không hay biết chẳng sao nhưng nhân quả biết. Nhân quả không tha ai bao giờ. Nếu chúng ta không cẩn trọng xem xét kỹ, quán chiếu tỉ mỉ. Ác nhân do quý vị tạo tác ra dù cố ý hay vô ý đều phải thọ quả báo! Quả báo đã hiện tiền thì làm sao? Cho nên người ta ở đời, được thân người rồi, đại sự lớn lao nhất, nói thật chính là tu sửa tư tưởng hành vi của chính mình. Trong đời phải tu sửa sám hối sai lầm của quá khứ, vô lượng đời đời kiếp kiếp đã qua. Phải sám hối tu sửa hết tất cả những lỗi lầm đó. Đây đúng là công việc vĩ đại nhất của đời người, bằng không thì kiếp này uổng phí.

Chúng ta thử nghĩ xem thế giới hiện giờ có khoảng 6 tỷ rưỡi đến 7 tỷ người, liệu được mấy ai nghĩ đến việc này? Liệu mấy người gặp được duyên tốt thế trong đời? Nếu quý vị cẩn trọng quan sát điểm này, sẽ thấy là mình may mắn biết bao. Mới biết đời này hiếm có chùng nào. Trong Khai Kinh Kệ có nói “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” là thật đó, không hề giả đâu. Bành Tế Thanh cư sĩ thì bảo đây là ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp đã qua. Chúng ta đã gặp được rồi sao có thể không trân trọng? Sao còn không nghiêm túc tu hành. Điều chúng ta đã gặp quá khó xảy ra. Viên mãn thành tựu chỉ trong một đời thì còn gì quan trọng hơn việc này nữa chứ? Không hề có. Sự việc trong thế xuất thế gian khi so với niệm Phật vãng sanh thì chỉ là mây lông hạt bụi, đều nên buông bỏ hết. Những lời Phật giảng trong kinh chúng ta tin sâu sắc không nghi ngờ.

Kinh Lăng Nghiêm bảo tâm tham lam chiêu cảm thủy tai, tâm tham là nước, sân hận là lửa, núi lửa phun trào, nhiệt độ trái đất nóng lên. Vì sao thế? Do tính khí nóng nảy. Ngu si là phong tai, bão, sóng thần, gió lốc hết sức đáng sợ. Ngạo mạn là động đất. Ngu si càng đáng sợ hơn, ngu si chiêu cảm đất đai lồi ra, không còn dính chắc nữa. Cho nên núi mới lở, đất chuồi xuống biển. Vì nguyên nhân gì? Do nghi hoặc. Tín tâm kiên định chẳng hề có chút nghi hoặc thì mặt đất kiên cố vững vàng. Hiện nay xảy ra rất

hiều thiên tai xưa nay chưa từng có. Cho nên chúng ta thử nhớ đến lời Phật luôn nói trong kinh: tham sân si mạn nghi đem đến những tai họa trước mắt ta. Huống chi mỗi ngày chúng ta lại càng tạo thêm nghiệp: sát, đạo, dâm, vọng. Vậy thì làm sao ôn? Ngũ nghịch thập ác đủ hết. Những lời giáo huấn của Phật Bồ Tát, của Thánh Hiền thì không biết đến, lại còn nghi ngờ. Hiện giờ quá quá khó.

Liệu có thể tránh được thiên tai? Theo kinh Phật giảng thì có thể. Vấn đề là quý vị chịu tin hay không? Quý vị có chịu từ bỏ giết chóc, trộm cắp, dâm dục, dối trá? Buông bỏ tham sân si mạn nghi? Chính mình được độ rồi thì thế giới sẽ thoát nạn. Nếu không tin thì đâu còn cách nào, không tìm ra cách nào khác cả.

Chúng tôi học kinh giáo Đại Thừa 60 năm, càng học niềm tin càng vững, càng học càng hoan hỷ, càng hiểu rõ đạo lý, càng hiểu biết, càng tin sâu sắc không nghi ngờ. Hơn nữa khoa học hiện nay đã chứng minh giúp ta. Chứng minh những gì Phật nói đều chính xác. Tương ứng với những gì khoa học phát hiện. Tăng trưởng tín tâm của chúng ta và cũng mạnh mẽ thêm phát nguyện cầu sanh về tịnh độ của ta. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đã buông bỏ hoàn toàn, chẳng còn lưu luyến thế gian này.

Chúng ta xem pháp cúng dường dưới đây. “Di Đà Số Sao viết”- Thanh Lương đại sư thời cao tề nam bắc triều- “Đại Hành hòa thượng, tôn sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiêu, vị tín ức nhị tư, bất li u tâm, xưng kính nhị tư, bất li u khẩu”. Bốn chữ này quan trọng, phải tin, phải tưởng, luôn luôn tưởng đến Phật. Tưởng nhớ lời nguyện của Phật, nghĩ đến hạnh của Phật, nghĩ đến lòng từ bi của Phật, nghĩ đến ơn đức của Phật đã xây dựng một đạo tràng tốt đẹp như thế, giúp chúng ta ở nơi đó chỉ một đời là được thành tựu. Ôn đức này quá lớn lao! Làm cách nào báo đáp? Chúng ta ở nơi đó thành Phật chính là đền đáp, chính là đã trả được ơn Phật, đã làm tròn nguyện vọng của ngài. Xưng, xưng là niệm, xưng niệm. Kính là cung kính, bất li u khẩu. Bốn chữ này chính là “ức niệm thọ trì, quy y cúng dường chi chi” trong bốn kinh. Giờ học Phật khó nhất do không làm được bốn chữ này. Tin thì vẫn tin danh văn lợi dưỡng. Tin những lợi lạc có được trước mắt, người ta tin vào điều này mà không nhìn thấy thế giới Cực Lạc, không thấy những cái tốt đẹp trong kinh nói về thế giới Cực Lạc. Cứ như đây là những chuyện quá khứ đã qua, không hiện thực. Quý vị bảo là chuyện tương lai, tương lai ai nhìn thấy? Ưc Phật niệm Phật, nhưng không phải là chân tâm. Người ta nghĩ đến chỉ là danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trước mắt. Điều này chẳng rời xa tâm. Tự tư tự lợi chẳng lìa khỏi miệng. Thật đó, khởi tâm động niệm, mở miệng là nghĩ ngay có lợi gì cho tôi? Lợi lộc của tôi ở đâu? Thậm chí còn khởi tâm động niệm hại người lợi mình. Đây là đặc trưng của văn hóa xã hội ngày nay.

Cổ nhân xưa dạy quên mình vì người, xã hội hiện nay dạy trẻ con từ bé đã biết lợi mình hại người. Cho nên xã hội hiện nay rất khó quay đầu lại. Nếu con người không

sự tỉnh ý thức, không biết quay lại thì chẳng có phương pháp nào cứu được xã hội, thoát được tai họa này.

“Sớ Sao viết: Vãng sinh tịnh độ, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sinh, vạn tín tức vạn sinh. Tín Phật danh tự, Chư Phật tức cứu, Chư Phật tức hộ”. Nhưng mà tin thế này rất khó. Người niệm Phật rất đông, người tin Phật không nhiều, tin tưởng rồi thì sẽ dốc sức tu hành. Nếu không dốc sức tu hành là chẳng hề tin. Người xưa bảo: miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, đọc võ cuồng hống chỉ uổng công. Người ta không tin, lòng tin thật chẳng dễ có. Vì sao lại không tin? Vì không hiểu chân tướng của sự thật. Khi đã rõ chân tướng sự thật thì niềm tin mới sinh khởi. Điều này cho thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, nói pháp cho chúng ta suốt 49 năm với mục đích gì? Mục đích thứ nhất là giúp chúng ta dứt hết nghi ngờ, sinh lòng tin. Chỉ có giúp người ta hiểu được chân tướng sự thật thì lòng tin mới có thể phát sinh. Có niềm tin thì quý vị mới phát nguyện, mới thật lòng muốn học hỏi giáo lý Phật, mới mong trở thành Bồ Tát, thành Phật, mới chịu buông bỏ duyên trần. Bằng không thì tham luyến duyên đời, đuổi bắt duyên trần, chẳng thể nào buông bỏ được. Vậy là sai lầm.

Thiện Đạo đại sư đã nói “vạn người tu vạn người về”. Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái sinh nên lời này không thể sai được. 50 năm trước, thầy Lý thường bảo với chúng tôi, ông đưa liên xã Đài Trung ra làm ví dụ. Liên Hữu ở Đài Trung mười ngàn người niệm Phật, thật được vãng sanh chỉ 3 đến 5 người thôi. Đây là lời ông hay nói. Vì nguyên nhân gì? Quý vị có thể cho rằng họ không tin chăng? Họ cũng nhiều năm nghe kinh, cũng giỏi nói đạo nhưng không buông bỏ được duyên trần. Cho nên không thể vãng sanh.

Tin ở chỗ này là tín giải hành chứng. Ở đây nhắc đến một chữ: một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trong niềm tin có giải, có hành, có chứng thì đương nhiên người này được vãng sanh. Nếu quý vị chẳng tin, giải hành chứng cũng không có thì chẳng thể vãng sanh. Thật có niềm tin, có hiểu biết thật sự về kinh Vô Lượng Thọ, Phật A Di Đà hoặc là Kinh A Di Đà cũng được. Thật sự buông bỏ, thật tâm phát nguyện cầu vãng sanh. “Chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ”. Chư Phật này là ai? Chính là Phật A Di Đà. Trong kinh điển đại thừa thường dùng chư Phật để biểu thị cho Phật A Di Đà. Phật A Di Đà được chư Phật cùng tán thán, cùng khen ngợi: quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. “Tâm thường ức Phật”. Thường thường nghĩ đến Phật. “Khẩu thường xưng Phật”. Thường thường niệm Phật, tốt nhất là chớ gián đoạn. Những việc không cần suy nghĩ thì miệng luôn có thể niệm Phật, nếu như dính dáng đến suy nghĩ thì quý vị bỏ danh hiệu Phật ra, tập trung đi xử lý việc của mình. Xử lý xong thì lại đem danh hiệu Phật trở lại. Đấy đều gọi là tịnh niệm tương tục. “Thân thường kính Phật” là thâm tín. Chỗ này chúng ta phải nhìn vào sâu hơn. Phật bảo chúng ta tất cả chúng sinh vốn là Phật. Ta là Phật gì? Cho quý vị biết ta đều là Phật A Di Đà. Ta nhìn thấy bất kỳ ai thì đều chấp tay cung kính “A Di Đà Phật”. A Di Phật này là nói người đó, anh ta là Phật A Di Đà,

không phải giả đâu, bạn cũng là Phật A Di Đà, tôi cũng là Phật A Di Đà. Tất cả đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Biến pháp giới hư không giới, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, chẳng có thứ gì không là Phật A Di Đà. Mỗi một hạt cát bụi cũng là Phật A Di Đà, thì tấm lòng cung kính của ta mới viên mãn, mới xứng tánh. Sao quý vị lại không thành Phật được? Sao quý vị lại chẳng thể vãng sanh? Đâu có lý này được! Nhận định đây là Phật A Di Đà, kia không phải Phật là vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Ai cũng thế cả!

Đoạn trước chúng ta đã học vương tử A Đò nghe lời giới thiệu của Thế Tôn, giới thiệu Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc. Khi nghe họ hết sức cảm động, trong lòng đều phát nguyện tuy miệng không nói ra, đều muốn niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, được thân cận đức Phật A Di Đà, được thành Phật như Phật A Di Đà ở thế giới tây phương. Trong tâm họ vừa khởi niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni liền biết, và đã thọ kí, ấn chứng cho họ. Tâm nguyện này tốt, nhất định sẽ đạt được. Phật tâm thanh tịnh. Phật tâm bình đẳng. Phật tâm giác chứ không mê. Nhớ lời Pháp Tạng tỷ kheo nói ở nhân địa: “Nhất thiết giai thành Phật”. Đây là Phật tâm. Cho nên chúng ta cung kính với tất cả chúng sanh cũng y như cung kính với Phật A Di Đà vậy, chẳng được có sai biệt, với kẻ ác cũng phải cung kính như thế. Kẻ ác tuy làm ác, tương lai phải chịu quả báo, tuy bị đọa vào địa ngục A Tỳ, tương lai sau khi rời khỏi địa ngục mà biết tu hành, vẫn sẽ thành Phật. Kẻ có tội nghiệp nặng đến đâu cũng chớ xem thường, vì chúng ta biết chỉ do họ mê mờ nhất thời. Vốn người đó là Phật, tạm thời đang mê mờ nên mới ra nông nổi đó. Chúng ta muốn cứu xã hội, cứu trái đất này, nhất định phải chuyển biến từ từ trong ổn định. Không thể để động loạn, không thể làm tổn hại chúng sinh. Quá độ trong bình ổn là đúng đắn, là tốt nhất. Đây là gì? Dạy. Dùng giáo dục để giải quyết vấn đề. Trước kia chúng tôi đã làm thử nghiệm ba năm ở Thang Trì và đã thành công. Con người có thể dạy được. Phật cũng được nhờ giáo dục, Bò Tát cũng do được dạy mà thành. Thánh hiền cũng được dạy mà trở thành thánh hiền. Kẻ tội ác đầy đầy cũng do bị dạy làm ác. Tất cả ở cách dạy.

Tất cả đều rõ vấn đề xã hội hiện nay, xã hội ngày nay dạy những gì? Giáo dục lớn nhất của xã hội hiện nay là gì? Ảnh hưởng sâu rộng nhất của giáo dục hiện nay là gì? Ti vi, mạng. Chẳng có nền giáo dục của một quốc gia nào bằng được nó. Nó dạy gì? Nó dạy sát đạo dâm vọng. Những câu chuyện bạo lực và tình dục nhan nhản. Cho nên bây giờ cả thế giới đều biết. Tình thế trở nên nghiêm trọng. Nói đến đây lại nhớ lời Phương Đông Mỹ tiên sinh từng nói với những quan chức ở bộ giáo dục khi họ đến phỏng vấn ông. Ở Đại Lục khi đó đang có cuộc đại cách mạng văn hóa, phá tứ cựu. Chính phủ Đài Loan thì đang hành động phục hưng văn hóa. Đưa ra khẩu hiệu này, không làm. Hôm ba quan chức ở bộ giáo dục phỏng vấn thầy Phương tôi cũng có mặt. Họ hỏi thầy dùng cách gì? Thầy Phương bảo ngừng xuất bản sách báo tạp chí ở Đài Loan, ngừng phát hết các kênh truyền hình. Các quan chức đều sững sờ kêu lên: không được, không làm thế được! Thầy nói những thứ này đang hàng ngày phá hoại truyền thống văn hóa. Hễ còn

nó thì không thể nào phục hưng được. Đây là sự thật, không hề giả trá. Sức tổn hại này quá lớn, nên động loạn của xã hội hiện nay, tai họa của trái đất hiện nay có nguyên nhân thật sự ở đây.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 385**